

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>43.578.235</b>	<b>1.717.957</b>	<b>41.860.278</b>	<b>190.890.517</b>	<b>10.916.440</b>	<b>179.974.077</b>	<b>438,0</b>	<b>635,4</b>	<b>429,9</b>
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	254.028	46.028	208.000	73.381.539	813.405	72.568.134	28.887,2	1.767,2	34.888,5
2	Chi quốc phòng - an ninh	3.096.542		3.096.542	4.052.027		4.052.027	130,9		130,9
3	Chi y tế	285.549	103.549	182.000	1.394.683	108.180	1.286.503	488,4	104,5	706,9
4	Chi văn hóa, thông tin	842.877	142.167	700.710	1.924.001	427.365	1.496.636	228,3	300,6	213,6
5	Chi phát thanh, truyền thanh	226.800		226.800	341.545		341.545	150,6		150,6
6	Chi thể dục, thể thao	313.800		313.800	257.918		257.918	82,2		82,2
7	Chi bảo vệ môi trường	131.000		131.000	438.404		438.404	334,7		334,7
8	Chi các hoạt động kinh tế	9.379.685	1.426.213	7.953.472	23.752.256	8.235.725	15.516.531	253,2	577,5	195,1
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.649.741		25.649.741	61.986.959	1.331.765	60.655.194	241,7		236,5
10	Chi cho công tác xã hội	1.796.000		1.796.000	22.955.362		22.955.362	1.278,1		1.278,1
11	Chi khác	87.900		87.900	66.525		66.525	75,7		75,7
12	Dự phòng	394.000		394.000	0		0	0,0		0,0
13	Chi CCTL	781.015		781.015	0		0	0,0		0,0
14	Chi nộp NS cấp trên	339.298		339.298	339.298		339.298	100,0		100,0